

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN SƯ PHẠM TIẾNG ANH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 143 /QĐ-ĐHHD ngày 10 /5/2023  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương)*

**THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Tên chương trình (Tiếng Việt):	Sư phạm Tiếng Anh
Tên chương trình (Tiếng Anh):	English Language Teacher Education
Trình độ đào tạo:	Đại học
Mã ngành đào tạo:	7140231
Khoa quản lý chương trình:	Ngoại Ngữ
Đối tượng tuyển sinh:	Theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo
Thời gian đào tạo:	4 năm
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Số tín chỉ yêu cầu:	122
Điều kiện tốt nghiệp:	<ul style="list-style-type: none"><li>- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo 122 tín chỉ;</li><li>- Đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;</li><li>- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh và Giáo dục thể chất.</li></ul>
Tên gọi văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân sư phạm
Vị trí việc làm:	<ul style="list-style-type: none"><li>- Giáo viên tiếng Anh tại các trường phổ thông và các cơ sở đào tạo tiếng Anh trong hệ thống giáo dục quốc dân và quốc tế.</li><li>- Giảng viên tiếng Anh ở trường trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học sau khi học bổ sung kiến thức, học lên bậc Thạc sĩ, Tiến sĩ đáp ứng yêu cầu chuyên môn.</li><li>- Làm chuyên viên ở các cơ sở giáo dục;</li><li>- Làm chuyên viên ở các viện nghiên cứu (Viện Ngôn ngữ, Viện từ điển,...).</li><li>- Làm việc trong lĩnh vực chuyên môn khác yêu cầu về kiến thức văn hóa, xã hội và khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh.</li></ul>

Khả năng học tập nâng cao trình độ:	- Thạc sĩ, Tiến sĩ trong nước và ngoài nước
Chương trình đào tạo tham khảo:	- Chương trình đào tạo Đại học Sư phạm Tiếng Anh Trường Đại học Vinh; - Chương trình đào tạo Đại học Sư phạm Tiếng Anh Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên - Trường Đại học Thái Nguyên; - Chương trình đào tạo Đại học Sư phạm Tiếng Anh Trường Đại học Sư phạm Hà Nội; - Chương trình đào tạo Đại học Sư phạm Tiếng Anh Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh; - Chương trình đào tạo Đại học Sư phạm Tiếng Anh Trường Đại học Sư phạm Ngoại ngữ - Trường Đại học Đà Nẵng.

### **CĂN CỨ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

- Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;
- Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;
- Nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học;
- Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;
- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam;
- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;
- Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;
- Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông;
- Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình giáo dục phổ thông;
- Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông (THPT) và trường phổ thông có nhiều cấp học;

- Quyết định số 448/QĐ-TTg ngày 27/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Hải Dương vào trường Đại học Hải Dương.

## **1. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **1.1. Mục tiêu chung**

Chương trình đào tạo đại học ngành tiếng Anh vẫn có mục tiêu đào tạo được một đội ngũ giáo viên tiếng Anh tại các trường trung học, chuyên viên phụ trách chuyên môn tiếng Anh tại các cơ sở giáo dục, cán bộ thực hiện các công việc liên quan đến tiếng Anh thuộc tỉnh Hải Dương và trong cả nước.

Người học sau khi tốt nghiệp có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp; có khả năng tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo và giải quyết những yêu cầu của lý luận, thực tiễn dạy học, nghiên cứu tiếng Anh; có khả năng thích nghi với môi trường làm việc, tự thích ứng để học tập suốt đời; có ý thức phục vụ nhân dân; có năng lực ngoại ngữ, tin học đáp ứng với yêu cầu hội nhập quốc tế.

### **1.2. Mục tiêu cụ thể**

PO1: Có kiến thức cơ bản, toàn diện, hệ thống về tiếng Anh, các kiến thức liên ngành ngôn ngữ và giao tiếp liên văn hóa.

PO2: Có kiến thức đầy đủ, hệ thống và hiện đại về khoa học giáo dục, lý luận và phương pháp dạy học tiếng Anh, tâm lý học, giáo dục học và vận dụng được trong dạy học, giáo dục học sinh.

PO3: Có kiến thức về khoa học xã hội và nhân văn, ngôn ngữ và văn hóa, khoa học Mác-Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối cách mạng của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

PO4: Sử dụng thành thạo tiếng Anh (bậc 5) trong hoạt động chuyên môn và xây dựng môi trường sử dụng tiếng Anh ở trường phổ thông và sử dụng được ngoại ngữ thứ 2 trong giao tiếp cơ bản (tương đương bậc 3/6).

PO5: Sử dụng thành thạo các phương pháp nghiên cứu khoa học tiếng Anh và khoa học giáo dục.

PO6: Sử dụng thành thạo các kỹ năng dạy học tiếng Anh: lập kế hoạch dạy học tiếng Anh, thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy học tiếng Anh, kiểm tra đánh giá năng lực tiếng Anh của người học.

PO7: Có năng lực phát triển chương trình tiếng Anh, biên soạn tài liệu sách giáo khoa, tham khảo môn tiếng Anh đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

PO8: Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề khoa học giáo dục và khoa học tiếng Anh.

PO9: Có năng lực sử dụng công nghệ thông tin, thiết bị dạy học hiện đại và ngoại ngữ trong dạy học tiếng Anh và khai thác tài nguyên dạy học.

PO10: Có một số năng lực khác như năng lực giao tiếp; năng lực tự học suốt đời; năng lực quản lý thời gian và tổ chức cuộc sống, thích ứng với những biến động của cuộc sống và xã hội; năng lực làm việc theo nhóm, hợp tác, chia sẻ.

PO11: Tuân thủ hiến pháp và luật pháp, có thái độ sống trung thực, trách

nhiệm, có kỉ luật, tuyên truyền, vận động, tham gia các hoạt động xã hội có ích cho cộng đồng.

PO12: Rèn luyện đạo đức, tác phong người giáo viên; yêu nghề, say mê nghiên cứu và có ý thức bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa Việt và hội nhập với văn hóa thế giới.

PO13: Truyền tải và gìn giữ các giá trị của văn hóa truyền thống của Việt Nam và địa phương, phát huy các giá trị phù hợp với thời đại hội nhập, xây dựng các phẩm chất năng động, hội nhập của công dân toàn cầu.

## **2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **2.1. Chuẩn đầu ra**

#### **2.1.1. Về kiến thức**

PLO1: Vận dụng được kiến thức cơ bản về lí luận chính trị và pháp luật Việt Nam trong hoạt động thực tiễn của bản thân và công việc.

PLO2: Vận dụng được các kiến thức tâm lí học, giáo dục học, quản lí nhà trường để tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục.

PLO3: Vận dụng được kiến thức chuyên môn toàn diện vào dạy học tiếng Anh và giáo dục học sinh ở trường phổ thông.

PLO4: Vận dụng được kiến thức cơ bản về văn học, văn hóa, ngôn ngữ để phát triển kiến thức mới, để có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

PLO5: Vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học tiếng Anh; khai thác, phát triển được học liệu, phương tiện dạy học hiệu quả để xử lí tốt các tình huống dạy học, giáo dục.

PLO6: Đánh giá được trình độ nhận thức, năng lực người học, nhu cầu phát triển năng lực người học để lựa chọn mức độ kiến thức, kĩ năng, phương pháp giáo dục cho phù hợp.

#### **2.1.2. Về kỹ năng**

PLO7: Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả và thực hiện được hoạt động tư vấn trong hoạt động dạy học, giáo dục và hướng nghiệp.

PLO8: Có kỹ năng khai thác được các ứng dụng của công nghệ thông tin để tự học, nghiên cứu khoa học, dạy học, đánh giá và quản lí học sinh.

PLO9: Có kỹ năng sử dụng thành thạo tiếng Anh tương đương bậc 5/6 trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn. Sử dụng được ngoại ngữ thứ 2 trong giao tiếp cơ bản (tương đương bậc 3/6).

PLO10: Có kỹ năng vận dụng được các tri thức đã học vào nghiên cứu, giảng dạy, tổ chức hoạt động trải nghiệm về tiếng Anh cho học sinh trong môi trường giáo dục đa văn hóa.

PLO11: Có kỹ năng vận dụng hiệu quả các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện và sự tiến bộ của người học trong học tập môn tiếng Anh ở trường phổ thông.

PLO12: Có kỹ năng vận dụng sáng tạo tri thức đã học vào giải quyết các vấn đề thực tiễn ở trường phổ thông.

PLO13: Có kỹ năng sử dụng linh hoạt kỹ năng ngôn ngữ và giao tiếp sư phạm trong dạy học tiếng Anh và trong cuộc sống.

### ***2.1.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm***

PLO14: Thực hiện hành vi ứng xử phù hợp với quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở cơ quan.

PLO15: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng chuyên môn vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm, học tập suốt đời; đánh giá để đưa ra kết luận và có giải pháp cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn.

PLO16: Có tư duy phản biện xã hội, tuyên truyền, lan tỏa những thông điệp tích cực đến học sinh, đồng nghiệp, phụ huynh.

## 2.2. Vị trí việc làm của người học sau tốt nghiệp

Chức danh nghề nghiệp  Môi trường làm việc	Giáo viên, nghiên cứu viên	Viên chức, cán bộ	Chuyên viên, nhà báo, biên tập viên	Biên dịch/phiên dịch viên	Giảng viên	Cán bộ hướng dẫn viên
	Các cơ sở giáo dục phổ thông	2	0	0	0	0
Các cơ quan truyền thông, các tạp chí, nhà xuất bản	0	2	1	2	0	0
Cơ quan quản lí giáo dục, viện nghiên cứu có liên quan đến lĩnh vực giáo dục	0	2	2	0	0	0
Các cơ sở nghiên cứu Ngôn ngữ Anh	2	2	2	2	0	2
Trường Đại học, Cao đẳng	0	0	0	0	2	0
Lĩnh vực Báo chí	1	1	1	2	0	1
Khu di tích lịch sử văn hóa và danh thắng	1	2	2	1	0	2
Công ty nước ngoài	0	2	2	2	0	0

Chú giải:

0	Không có vị trí việc làm tại môi trường làm việc tương ứng
1	Người học có thể làm được; người học sẽ làm được tốt hơn nếu tích lũy kinh nghiệm và học thêm (học bổ sung, học nâng cao trình độ)
2	Người học sẽ làm được ngay sau khi tốt nghiệp

## 2.3. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo bậc đại học ngành Sư phạm tiếng Anh tiếp tục học tập nâng cao trình độ ở bậc sau đại học các chuyên ngành: ngôn ngữ Anh, phương pháp dạy học tiếng Anh, ngôn ngữ học so sánh đối chiếu, v.v... ở các cơ sở đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ trong nước và nước ngoài.

**\* MA TRẬN TÍCH HỢP MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Chuẩn đầu ra	Mục tiêu đào tạo												
	PO 1	PO 2	PO 3	PO 4	PO 5	PO 6	PO 7	PO 8	PO 9	PO 10	PO 11	PO 12	PO 13
PLO1 (KT)			x								x		

PLO2 (KT)		x						x					
PLO3 (KT)	x	x		x		x		x					
PLO4 (KT)	x	x	x							x		x	x
PLO5 (KT)	x	x						x		x			
PLO6 (KT)		x						x					
PLO7 (KN)		x	x	x					x		x		
PLO8 (KN)					x	x				x			
PLO9 (KN)	x			x		x	x	x			x		
PLO10 (KN)	x	x	x	x	x	x	x	x		x			
PLO11 (KN)						x		x					
PLO12 (KN)		x		x	x	x	x	x	x				
PLO13 (KN)	x			x	x			x		x			
PLO14 (MĐ)											x	x	x
PL015 (MĐ)											x	x	x
PL016 (MĐ)											x	x	x
<b>Tổng</b>	<b>6</b>	<b>8</b>	<b>4</b>	<b>6</b>	<b>4</b>	<b>6</b>	<b>5</b>	<b>8</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>4</b>	<b>4</b>

### 3. CHUẨN ĐẦU VÀO CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo ngành Sư phạm Tiếng Anh trình độ đại học là người học phải tốt nghiệp THPT hoặc trình độ tương đương, đáp ứng được:

- Ngưỡng đầu vào đối với ngành đào tạo giáo viên do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố hàng năm cho các phương thức tuyển sinh đào tạo hình thức chính quy sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT.

- Ngưỡng đầu vào đối với ngành đào tạo giáo viên cho đào tạo hình thức khác chính quy hoặc phương thức tuyển sinh không sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT, cụ thể là học lực lớp 12 xếp loại từ giỏi trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên.

- Ngưỡng đầu vào do cơ sở đào tạo quy định đối với người đã trúng tuyển hoặc

đã tốt nghiệp các ngành đào tạo giáo viên trước ngày 07 tháng 5 năm 2020 nếu dự tuyển vào học đại học để đạt trình độ chuẩn theo quy định tại Điều 72 Luật Giáo dục năm 2019.

#### 4. KHỐI LƯỢNG HỌC TẬP

Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Tiếng Anh trình độ đại học có khối lượng học tập là 122 tín chỉ, cộng với khối lượng giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh theo quy định hiện hành.

#### 5. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

##### 5.1. Cấu trúc Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo Sư phạm Tiếng Anh trình độ Đại học gồm 122 tín chỉ. Trong đó khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 25 tín chỉ, có tỉ lệ 20,5%; khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm 97 tín chỉ, có tỉ lệ 79,5%. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp được cấu thành bởi nhóm kiến thức cơ sở ngành (41 tín chỉ: 39 tín chỉ bắt buộc, 02 tín chỉ tự chọn; chiếm 33,6% toàn khối); nhóm kiến thức chuyên ngành (37 tín chỉ: 35 tín chỉ bắt buộc, 02 tín chỉ tự chọn; chiếm 30,33% toàn khối); nhóm nghiệp vụ sư phạm, thực tập (12 tín chỉ; chiếm 9,84% toàn khối); nhóm khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế (07 tín chỉ; chiếm 5,74% toàn khối).

Cụ thể như sau:

Khối kiến thức, tín chỉ	Loại học phần	Số tín chỉ
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương</b> <i>(Không tính các môn học GDTC và GDQP - AN)</i>		<b>25 tín chỉ</b>
<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>		<b>97 tín chỉ</b>
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>		<b>41 tín chỉ</b>
	+ Bắt buộc	39 tín chỉ
	+ Tự chọn	2 tín chỉ
<b>2.2. Kiến thức chuyên ngành</b>		<b>37 tín chỉ</b>
	+ Bắt buộc	35 tín chỉ
	+ Tự chọn	2 tín chỉ
<b>2.3. Nghiệp vụ sư phạm, thực tập</b>		<b>12 tín chỉ</b>
<b>2.4. Khóa luận tốt nghiệp/học phần thay thế</b>		<b>7 tín chỉ</b>
<b>TỔNG SỐ</b>		<b>122 tín chỉ</b>

##### 5.2. Nội dung Chương trình đào tạo

###### 5.2.1. Khung Chương trình đào tạo



STT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ		Ghi chú
				Lí thuyết	Bài tập, Thảo luận, Thực hành	
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương</b> (Không tính các môn GDTC và GDQP và AN)			<b>25</b>			
<b>Lí luận chính trị</b>			<b>11</b>			
1	PLO001	Triết học Mác-Lênin	3	32	26	
2	PLO002	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	21	18	
3	PLO003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	18	
4	PLO004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	18	
5	PLO005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	18	
<b>Giáo dục thể chất - Giáo dục quốc phòng và an ninh</b>						
6	PE006	Giáo dục thể chất 1	1	3	27	30
7	PE007	Giáo dục thể chất 2	2	6	54	60
8	ME008	Giáo dục quốc phòng và an ninh 1		37	8	
9	ME009	Giáo dục quốc phòng và an ninh 2		22	8	
10	ME010	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3		14	16	
11	ME011	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4		4	56	
<b>Ngoại ngữ - Tin học</b>			<b>8</b>			
<b>Các học phần tự chọn (chọn 1 trong 2 học phần)</b>						
12	<b>Tự chọn 1 (Ngoại ngữ 2)</b>					
12.1	RU012.1	Tiếng Nga 1	3	30	30	
12.2	CH012.2	Tiếng Trung 1	3	30	30	
13	<b>Tự chọn 2 (Ngoại ngữ 2)</b>					
13.1	RU013.1	Tiếng Nga 2	3	30	30	
13.2	CH013.2	Tiếng Trung 2	3	30	30	
14	IT014	Tin học đại cương	2	15	30	
<b>Khoa học Xã hội - Nhân văn</b>			<b>6</b>			

15	PSY015	Pháp luật đại cương	2	21	18	
16	CUL016	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	15	30	
17	EDU017	Quản lý hành chính NN và quản lý ngành GDĐT	2	15	30	
<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>			<b>97</b>			
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>			<b>41</b>			
<b><i>Các học phần bắt buộc</i></b>			<b>39</b>			
18	PSE118	Tâm lý học	3	30	30	
19	PSE119	Giáo dục học	3	30	30	
20	EN120	Kỹ năng tổng hợp Tiếng Anh 1	5	40	70	
21	EN121	Kỹ năng tổng hợp Tiếng Anh 2	5	40	70	
22	EN122	Kỹ năng tổng hợp Tiếng Anh 3	5	40	70	
23	EN123	Nghe - nói tiếng Anh 1	3	30	30	
24	EN124	Đọc - Viết tiếng Anh 1	3	30	30	
25	EN125	Nghe - Nói tiếng Anh 2	3	30	30	
26	EN126	Đọc - Viết tiếng Anh 2	3	30	30	
27	EN127	Nghe - Nói tiếng Anh 3	3	30	30	
28	EN128	Đọc - Viết tiếng Anh 3	3	30	30	
<b><i>Học phần tự chọn (Chọn 1 trong các học phần)</i></b>			<b>2</b>			
<b><i>Tự chọn 3</i></b>						
29.1	EN329.1	Ngôn ngữ học đối chiếu	2	20	20	
29.2	EN329.2	Ngôn ngữ học chức năng hệ thống	2	20	20	
29.3	EN329.3	Phân tích diễn ngôn	2	20	20	
<b>2.2. Kiến thức chuyên ngành</b>			<b>37</b>			
<b><i>Các học phần bắt buộc</i></b>			<b>35</b>			
30	EN230	Tiếng Anh nâng cao	3	30	30	
31	EN231	Ngữ pháp tiếng Anh	3	30	30	
32	EN232	Ngữ âm tiếng Anh	3	30	30	
33	EN233	Từ vựng – ngữ nghĩa tiếng Anh	3	20	50	
34	EN234	Văn hóa Anh – Mỹ	3	30	30	
35	EN235	Phương pháp nghiên cứu khoa	2	20	20	

		học Xã hội				
36	EN236	Lý thuyết dịch	2	20	20	
37	TMT237	Lý luận về phương pháp giảng dạy tiếng Anh	2	30	30	
38	TMT238	Kỹ thuật và thực hành giảng dạy tiếng Anh 1	4	30	60	
39	TMT239	Kỹ thuật và thực hành giảng dạy tiếng Anh 2	4	30	60	
40	TMT240	Kiểm tra đánh giá tiếng Anh	3	30	30	
41	TMT241	Phát triển chương trình và học liệu	3	30	30	
<b>Học phần tự chọn (Chọn 1 trong các học phần)</b>			<b>2</b>			
42	<b>Tự chọn 4</b>		2			
42.1	EN342.1	Giao thoa văn hóa	2	20	20	
42.2	EN342.2	Kỹ năng thuyết trình	2	15	30	
42.3	TMT342.3	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh Tiểu học	2	15	30	
<b>2.3. Nghiệp vụ sư phạm, thực tập</b>			<b>12</b>			
43	TMT243	Nghiệp vụ sư phạm 1	2	15	30	
44	TMT244	Nghiệp vụ sư phạm 2	2	15	30	
45	TMT245	Thực tập sư phạm 1	2		120	
46	TMT246	Thực tập sư phạm 2	6		360	
<b>2.4. Khóa luận tốt nghiệp/ học phần thay thế</b>			<b>7</b>			
<b>Khóa luận tốt nghiệp</b>						
47A		Khóa luận tốt nghiệp	7			
<b>Học phần thay thế</b>			<b>7</b>			
47B1	TMT447B1	Giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành (ESP)	3	30	30	
47B2	TMT447B2	Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học Tiếng Anh	2	15	30	
47B3	TMT447B3	Nghiên cứu hành động trong dạy học tiếng Anh	2	15	30	
<b>Tổng cộng</b>			<b>122</b>			

**5.2.2. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Môn học	Chuẩn đầu ra của CTĐT															
	Kiến thức						Kĩ năng						Năng lực			
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15	PLO16
Triết học Mác – Lênin	2	1	1	0	1	3	1	0	0	2	1	3	0	1	2	3
Kinh tế chính trị Mác – Lênin	3	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0	2	0	0	1	1
Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	1	1	0	1	0	1	0	0	2	0	1	0	1	1	1
Tư tưởng Hồ Chí Minh	1	1	0	1	0	0	2	0	0	1	0	2	0	3	2	2
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3	1	0	0	0	0	1	0	0	1	0	1	0	1	1	1
Giáo dục thể chất 1	3	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	1	0
Giáo dục thể chất 2	3	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	2	0
Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	1	0
Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	3	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	2	0
Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	3	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	1	0
Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	3	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	2	0
Tiếng Nga /Trung1	0	0	0	2	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0

Tiếng Nga /Trung 2	0	0	0	2	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0
Tin học đại cương	0	0	1	0	2	0	0	3	0	1	1	1	0	0	2	0
Pháp luật đại cương	3	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	1	1
Quản lí HCNN và quản lí ngành GDĐT	3	3	1	0	1	0	1	0	0	0	0	1	0	2	0	0
Tâm lí học	0	3	2	0	1	1	2	0	0	2	1	1	1	2	0	0
Giáo dục học	0	3	2	1	2	1	2	0	0	2	1	1	1	2	1	1
Cơ sở văn hóa Việt Nam	0	0	1	3	0	1	1	0	1	0	1	2	2	1	1	0
Kỹ năng TH TA1	0	0	2	2	2	2	1	1	3	2	2	1	2	0	1	0
Kỹ năng TH TA2	0	0	2	2	2	2	1	1	3	2	2	1	2	0	1	0
Kỹ năng TH TA3	0	0	2	2	2	2	1	1	3	2	2	1	2	0	1	0
Nghe-Nói TA1	0	0	2	2	2	2	1	1	3	2	2	1	2	0	1	0
Đọc-Viết TA1	0	0	2	2	2	2	1	1	3	2	2	1	2	0	1	0
Nghe-Nói TA2	0	0	2	2	2	2	1	1	3	2	2	1	2	0	1	0
Đọc-Viết TA2	0	0	2	2	2	2	1	1	3	2	2	1	2	0	1	0
Nghe-Nói TA3	0	0	2	2	2	2	1	1	3	2	2	1	2	0	1	0
Đọc-Viết TA3	0	0	2	2	2	2	1	1	3	2	2	1	2	0	1	0
Ngôn ngữ học đối chiếu	0	0	2	2	0	0	0	0	1	2	0	1	1	0	1	0
Ngôn ngữ học chức	0	0	2	2	0	0	0	0	1	2	0	1	1	0	1	0

năng hệ thống																
Phân tích diễn ngôn	0	0	2	2	0	0	0	0	1	2	0	1	1	0	1	0
Tiếng Anh nâng cao	0	0	2	2	2	2	2	1	3	2	2	1	2	0	1	0
Ngữ pháp TA	0	0	2	2	2	2	2	1	3	2	2	1	2	0	1	0
Ngữ âm TA	0	0	2	2	2	2	2	1	3	2	2	1	2	0	1	0
Từ vựng- Ngữ nghĩa TA	0	0	2	2	2	2	2	1	3	2	2	1	2	0	1	0
Văn hóa Anh-Mỹ	0	0	2	3	2	1	1	0	3	2	2	2	2	1	1	1
Phương pháp nghiên cứu khoa học Xã hội	0	1	2	1	2	2	1	0	2	3	2	2	2	0	2	1
Lý thuyết dịch	0	0	2	1	2	2	2	0	3	2	1	1	3	0	2	0
Lý luận về PPGD TA	0	0	3	2	2	1	1	0	2	3	1	2	2	1	2	1
Kỹ thuật và thực hành giảng dạy TA1	0	1	3	2	2	2	1	1	1	2	2	1	2	1	1	1
Kỹ thuật và thực hành giảng dạy TA2	0	1	3	2	2	2	1	1	1	2	2	1	2	1	1	1
Kiểm tra đánh giá tiếng Anh	0	1	1	1	1	3	0	1	1	1	3	2	0	0	2	1
Phát triển chương trình và học liệu	0	1	1	2	2	1	0	1	1	1	0	1	0	0	1	0
Giao thoa	0	0	1	3	0	0	2	0	1	1	0	1	0	1	1	1

văn hóa																
Kỹ năng thuyết trình	0	0	1	1	1	0	3	0	2	2	0	1	3	1	1	0
Phương pháp giảng dạy TA tiểu học	0	1	2	2	2	2	1	1	2	2	1	1	2	1	1	1
Nghiệp vụ sư phạm 1	0	1	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	1	1	0
Nghiệp vụ sư phạm 2	0	1	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	1	1	0
Thực tập sư phạm 1	0	1	2	2	2	2	1	1	2	3	3	1	2	1	2	1
Thực tập sư phạm 2	1	2	3	2	2	2	1	1	2	3	2	3	2	1	1	1
Khóa luận tốt nghiệp	0	1	3	3	1	1	2	2	2	2	2	2	2	1	1	1
PP giảng dạy TA chuyên ngành (ESP)	0	1	1	2	1	1	1	1	1	1	0	0	1	0	1	0
Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học TA	1	1	1	1	1	0	1	0	1	3	2	2	1	1	1	1
Nghiên cứu hành động trong dạy học TA	0	1	1	2	2	1	0	0	1	1	0	1	1	0	3	0

*Ghi chú: Dùng thang đánh giá mức độ đóng góp: 0 - Không đóng góp; 1 - Đóng góp thấp; 2 - Đóng góp trung bình; 3 - Đóng góp cao.*

*(Các học phần trong chương trình đều tham gia đóng góp vào bảng ma trận CDR)*

### **5.2.3. Kế hoạch đào tạo**

Chương trình đào tạo Sư phạm Tiếng Anh trình độ đại học thực hiện trong 04 năm với 08 học kì, trong đó học kì 1 với 14 tín chỉ, học kì 2 là 15 tín chỉ, học kì 3 với 16 tín chỉ, học kì 4 là 15 tín chỉ, học kì 5 với 17 tín chỉ, học kì 6 là 16 tín chỉ, học kì 7 với 17 tín chỉ, học kì 8 là 13 tín chỉ. Cụ thể như sau:

<b>T</b>	<b>Mã học phần</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Số tín chỉ</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>Kì I</b>			<b>14</b>	
<b>Bắt buộc</b>			<b>14</b>	
1	PLO001	Triết học Mác – Lênin	3	
2	PE006	Giáo dục thể chất 1		
3	EN120	Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 1	5	
4	PSE118	Tâm lí học	3	
5	CUL016	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	
<b>Kì II</b>			<b>15</b>	
<b>Bắt buộc</b>			<b>12</b>	
1	PLO002	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	
2	PE007	Giáo dục thể chất 2		
3	IT014	Tin học đại cương	2	
4	PSE119	Giáo dục học	3	
5	EN121	Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 2	5	
<b>Tự chọn</b>				
6.1	RU012.1	Tiếng Nga 1	3	
6.2	CH012.2	Tiếng Trung 2	3	
<b>Kì III</b>			<b>16</b>	
<b>Bắt buộc</b>			<b>13</b>	
1	PLO003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
2	EN122	Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 3	5	
3	EN232	Ngữ âm tiếng Anh	3	
4	EN231	Ngữ pháp tiếng Anh	3	
5	PE007	Giáo dục thể chất 2		
<b>Tự chọn</b>				
6.1	RU013.1	Tiếng Nga 2	3	
6.2	CH013.2	Tiếng Trung 2	3	
<b>Kì IV</b>			<b>15</b>	
<b>Bắt buộc</b>			<b>13</b>	
1	PLO004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
2	ME008	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1		
3	ME009	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2		
4	ME010	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3		



5	ME011	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4		
6	EN123	Nghe - nói tiếng Anh 1	3	
7	EN124	Đọc - Viết tiếng Anh 1	3	
8	TMT237	Lý luận về phương pháp giảng dạy tiếng Anh	2	
9	EN233	Từ vựng – ngữ nghĩa tiếng Anh	3	
<b>Tự chọn 2</b>			<b>2</b>	
10.1	EN329.1	Ngôn ngữ học đối chiếu	2	
10.2	EN329.2	Ngôn ngữ học chức năng hệ thống	2	
10.3	EN329.3	Phân tích diễn ngôn	2	
<b>Kì V</b>			<b>17</b>	
<b>Bắt buộc</b>			<b>17</b>	
1	PLO005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	
2	EN125	Nghe - Nói tiếng Anh 2	3	
3	EN126	Đọc - Viết tiếng Anh 2	3	
4	TMT238	Kỹ thuật và thực hành giảng dạy tiếng Anh 1	4	
5	EN234	Văn hóa Anh-Mỹ	3	
6	TMT243	Nghiệp vụ sư phạm 1	2	
<b>Kì VI</b>			<b>16</b>	
<b>Bắt buộc</b>			<b>16</b>	
1	EN127	Nghe - Nói tiếng Anh 3	3	
2	EN128	Đọc - Viết tiếng Anh 3	3	
3	TMT239	Kỹ thuật và thực hành giảng dạy tiếng Anh 2	4	
4	EN236	Lý thuyết dịch	2	
5	EDU017	Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT	2	
6	TMT245	Thực tập sư phạm 1	2	
<b>Kì VII</b>			<b>17</b>	
<b>Bắt buộc</b>			<b>15</b>	
1	PSY015	Pháp luật đại cương	2	
2	EN235	Phương pháp nghiên cứu khoa học Giáo dục	2	
3	EN230	Tiếng Anh nâng cao	3	
4	TMT240	Kiểm tra đánh giá tiếng Anh	3	

5	TMT241	Phát triển chương trình và học liệu	3	
6	TMT244	Nghiệp vụ sư phạm 2	2	
<b>Tự chọn 4</b>			<b>2</b>	
7.1	EN342.1	Giao thoa văn hóa	2	
7.2	EN342.2	Kỹ năng thuyết trình tiếng Anh	2	
7.3	TMT342.3	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh Tiểu học	2	
<b>Kì VIII</b>			<b>13</b>	
<b>Bắt buộc</b>			<b>13</b>	
1	TMT246	Thực tập sư phạm 2	6	
2.1	TMT447A	Khóa luận tốt nghiệp	7	
2.2	TMT447B	Thay thế khóa luận tốt nghiệp	7	
2.2.1	TMT447B1	Giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành (ESP)	3	
2.2.2	TMT447B2	Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học Tiếng Anh	2	
2.2.3	TMT447B3	Nghiên cứu hành động trong dạy học tiếng Anh	2	

#### 5.2.4. Mô tả học phần

##### 1. Triết học Mác – Lênin: 3TC

Học phần triết học Mác - Lênin là học phần cung cấp thế giới quan khoa học và phương pháp luận biện chứng cho sinh viên, giúp sinh viên phát triển năng lực tư duy biện chứng và có khả năng vận dụng các nguyên lý, nguyên tắc phương pháp luận triết học vào trong thực tiễn cuộc sống. Đây là học phần bắt buộc ở học kỳ 1 năm thứ nhất trong chương trình đào tạo sinh viên của tất cả các ngành ở bậc Đại học. Học phần được kết cấu bởi 3 chương, trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng quan về vấn đề triết học và triết học Mác-Lênin, học phần giúp sinh viên hình thành thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật, từng bước vận dụng trong nhận thức và hoạt động thực tiễn. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể tự phân tích, đề xuất biện pháp giải quyết một vấn đề triết học trong thực tiễn.

##### 2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin: 2TC

Kinh tế chính trị Mác - Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương của các ngành đào tạo trình độ đại học. Học phần có 6 chương, bao gồm hệ thống tri thức về hàng hóa, thị trường, giá trị thặng dư, cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường, về kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế, về công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Trên cơ sở đó, trang bị cho sinh viên cơ sở lý luận để nhận thức đúng bản chất của các hiện tượng, các quan hệ kinh tế trong nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Đồng thời, góp phần hình thành kỹ năng thực hiện các hoạt động kinh tế, nâng cao bản lĩnh chính trị cho sinh viên.

### **3. Chủ nghĩa xã hội khoa học: 2TC**

Đây là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, bắt buộc đối với sinh viên tất cả các ngành theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản, hệ thống về chủ nghĩa xã hội: về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa, về vấn đề dân tộc và tôn giáo, về vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và việc vận dụng những lý luận đó vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

### **4. Tư tưởng Hồ Chí Minh: 2TC**

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh thuộc khối kiến thức lý luận chính trị, được tổ chức giảng dạy vào kỳ 5. Học phần gồm 6 chương, giúp người học hiểu được nội dung, vai trò, vị trí và ý nghĩa của tư tưởng Hồ Chí Minh, từ đó vận dụng, liên hệ với thực tiễn học tập, rèn luyện, xây dựng nhân cách để trở thành công dân tốt, đóng góp vào công cuộc xây dựng đất nước.

### **5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam: 2TC**

Học phần Lịch sử Đảng là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương của các ngành đào tạo. Học phần gồm 3 chương, trang bị những nội dung bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và vai trò lãnh đạo của Đảng trong tiến trình cách mạng Việt Nam từ khi ra đời đến nay. Qua học tập sinh viên có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, có bản lĩnh chính trị, tư tưởng. Học phần không những cung cấp những kiến thức cơ bản về sự ra đời và lãnh đạo của Đảng, mà còn hình thành cho sinh viên năng lực phân tích các sự kiện Lịch sử Đảng, bài học kinh nghiệm qua các thời kỳ.

### **6. GDTC1**

Giáo dục thể chất 1 là học phần bắt buộc dành cho sinh viên không chuyên thuộc chương trình giáo dục thể chất của tất cả chương trình đào tạo hệ đại học. Nội dung gồm lí thuyết môn Thể dục, bài tập đội hình đội ngũ, bài tập phát triển chung tay không. Môn học trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản môn thể dục, phương pháp tập luyện. Mở rộng nhận thức và hiểu biết, phát triển năng lực tự học, vận dụng trong tập luyện, rèn luyện sức khỏe hàng ngày. Môn học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tư thế, tác phong... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập các môn khác.

### **7. GDTC2**

Giáo dục thể chất 2 là học phần sinh viên tự chọn 01 trong 07 môn học: Đá cầu, Bóng chuyền, Bóng đá, Bóng rổ, Võ thuật Vovinam, Aerobic, Cầu lông.

#### ***Đá cầu***

Học phần Đá cầu cung cấp các kiến thức cơ bản về môn Đá cầu. Đây là kiến thức nền tảng để giúp sinh viên tiếp thu các môn học giáp ranh và chuyên ngành thể dục thể thao; có sân chơi hoạt động đầy ý nghĩa, tạo sự kết tinh thần tập thể cao; có lối sống lành mạnh rời xa các tệ nạn xã hội.

#### ***Bóng chuyền***

Học phần Bóng chuyền trang bị kiến thức về kỹ thuật, chiến thuật, kỹ năng tập luyện và luật thi đấu bóng chuyền. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết những vấn đề của thực tiễn dạy học giáo dục thể chất cho đối tượng học sinh.

### ***Bóng đá***

Học phần Bóng đá cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về lịch sử, tính chất, đặc điểm, vai trò của môn Bóng đá, những nguyên lý thực hiện kỹ thuật, luật Bóng đá. Học phần cũng trang bị các kỹ thuật động tác cơ bản, tổ chức hướng dẫn luyện tập môn Bóng đá.

### ***Bóng rổ***

Bóng rổ là môn thể thao tự chọn trong chương trình đào tạo giáo dục thể chất không chuyên có nội dung rất đa dạng và phong phú. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức lịch sử phát triển môn Bóng rổ và kỹ thuật cơ bản về di chuyển, chuyền và bắt bóng, dẫn bóng, tại chỗ ném rổ và hai bước lên rổ, một số điều luật phương pháp tổ chức thi đấu môn Bóng rổ.

### ***Võ thuật Vovinam***

Võ thuật Vovinam là một môn thể thao cơ bản có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về lịch sử phát triển và đặc điểm của môn võ Vovinam; trang bị kiến thức về kỹ thuật, chiến thuật, luật thi đấu thực hành môn Võ thuật Vovinam. Ngoài ra còn có thể lấy môn học làm các bài tập bổ trợ cho các môn thể thao khác.

### ***Aerobic***

Học phần Aerobic là môn học tự chọn thuộc chương trình Giáo dục thể chất cho sinh viên đại học thuộc tất cả các chuyên ngành đào tạo. Nội dung môn học bao gồm: lý thuyết Aerobic, kỹ thuật cơ bản Aerobic, bài Aerobic. Học phần giúp sinh viên phát triển thể chất; giáo dục phẩm chất đạo đức, tinh thần tập thể; rèn luyện ý chí, tư thế, tác phong; tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập các môn học khác.

### ***Cầu lông***

Cầu lông là môn học trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản, giảng dạy các kỹ thuật, chiến thuật cầu lông, phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn của môn cầu lông. Ngoài ra, học phần còn thông qua quá trình tập luyện để rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, tính tự giác tích cực; phát triển các tố chất vận động như sức nhanh, sức mạnh, sức bền và khả năng phối hợp động tác, tăng cường sức khỏe, tính linh hoạt bổ trợ cho công việc học tập và giúp sinh viên có thể tự tin tham gia các hoạt động khi nhà trường tổ chức giải thi đấu môn Cầu lông cho sinh viên.

## **8. Giáo dục quốc phòng an ninh 1 (45 tiết)**

Học phần nghiên cứu những quan điểm cơ bản có tính chất lý luận của Đảng về đường lối quốc phòng và an ninh gồm: Những vấn đề cơ bản của học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; quan điểm

của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, an ninh nhân dân; về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh và một số nội dung cơ bản về nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kì.

### **9. Giáo dục quốc phòng an ninh 2 (30 tiết)**

Học phần nghiên cứu những vấn đề cơ bản có tính nguyên tắc về nhiệm vụ, nội dung công tác quốc phòng, an ninh của Đảng ta hiện nay bao gồm: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kĩ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao; đánh bại chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam; một số vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề về dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia; đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

### **10. Giáo dục quốc phòng an ninh 3 (30 tiết)**

Học phần nghiên cứu các kiến thức, kĩ năng chiến thuật, kĩ thuật quân sự cần thiết như: kiến thức cơ bản về bản đồ địa hình quân sự, một số phương tiện chỉ huy và chỉ huy chiến đấu; tính năng, tác dụng, cấu tạo, sử dụng, bảo quản các loại vũ khí bộ binh AK, CKC, RPD, RPK, B40, B41; tính năng, kĩ thuật sử dụng thuốc nổ; hiểu biết về phòng chống vũ khí hạt nhân, hóa học, sinh học, vũ khí lửa; hiểu biết và xử lí các vết thương chiến tranh; thực hành rèn luyện đội ngũ từng người và đơn vị; thực hành sử dụng vũ khí bộ binh và chiến thuật tiến công, phòng ngự từng người.

### **11. Giáo dục quốc phòng an ninh 4 (60 tiết)**

Học phần nghiên cứu về quân binh chủng, cụ thể là tổ chức lực lượng trong các quân binh chủng - công tác đảng, công tác chính trị trong quân đội và công an; lịch sử truyền thống quân binh chủng - lịch sử truyền thống của quân đội và công an; đồng thời tham quan các học viện, đơn vị, bảo tàng.

### **12. Ngoại ngữ thứ 2 (HP1): tiếng Nga, tiếng Trung Quốc: 3TC**

Ngoại ngữ thứ 2 (HP1) là học phần ngoại ngữ bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ đại học cho sinh viên các ngành không chuyên ngữ. Học phần này được dạy - học theo định hướng chuẩn đầu ra bậc 1 Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương A1 khung tham chiếu châu Âu). Học phần (1) cung cấp cho sinh viên kiến thức ngôn ngữ về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, (2) hỗ trợ sinh viên thực hành và phát triển các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết tương đương bậc 2; (3) cung cấp cho sinh viên những kiến thức văn hóa xã hội của các quốc gia ngoại ngữ thứ 2 và các nước trong khu vực cũng như trên thế giới; (4) phát triển các kĩ năng phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, cải tiến hoạt động giao tiếp bằng ngoại ngữ thứ 2.

### **13. Ngoại ngữ thứ 2 (HP2): tiếng Nga, tiếng Trung Quốc: 3TC**

Ngoại ngữ thứ 2 là học phần ngoại ngữ bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ đại học cho sinh viên các khoa không chuyên ngữ. Học phần này được dạy -

học theo định hướng chuẩn đầu ra bậc 2 Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương A2 khung tham chiếu châu Âu). Học phần (1) cung cấp cho sinh viên kiến thức ngôn ngữ về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, (2) hỗ trợ sinh viên thực hành và phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương đương bậc 3; (3) cung cấp cho sinh viên những kiến thức văn hóa xã hội của các quốc gia nói ngoại ngữ thứ 2 và các nước trong khu vực cũng như trên thế giới; (4) phát triển các kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, cải tiến hoạt động giao tiếp bằng ngoại ngữ.

#### **14. Tin học cơ bản: 2TC**

Học phần tin học cơ bản trang bị các kiến thức và kỹ năng về lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông cho sinh viên hệ Cử nhân Sư phạm. Nội dung học phần nhằm rèn luyện kỹ năng linh hoạt thích ứng trong thời đại kỹ nguyên số, sử dụng hiểu biết và các kỹ năng đó như là công cụ để học tập và nghiên cứu nội dung các môn học tiếp theo, ứng dụng hiệu quả kiến thức ICT trong công việc giảng dạy sau này.

#### **15. Pháp luật đại cương: 2TC**

Pháp luật đại cương là môn học bắt buộc thuộc phần kiến thức giáo dục đại cương của tất cả các chương trình đào tạo. Môn học cung cấp những kiến thức lý luận về nhà nước và pháp luật, nội dung cơ bản của một số ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam như: Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Hình sự, Luật Dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình.

#### **16. Cơ sở văn hóa Việt Nam: 2TC**

Học phần Cơ sở văn hóa Việt Nam là học phần bắt buộc trong khối kiến thức đại cương khối ngành của Chương trình đào tạo Sư phạm tiếng Anh. Học phần giúp người học nhận diện tổng quan về văn hóa Việt Nam, những hiện tượng văn hóa Việt Nam đã và đang diễn ra trong đời sống nói riêng và những đặc trưng cơ bản làm nên bản sắc văn hóa truyền thống Việt Nam.

#### **17. Quản lý hành chính NN và quản lý ngành GDĐT: 2TC**

Môn học Quản lý hành chính NN và quản lý ngành GDĐT cung cấp những kiến thức cơ bản về quản lý hành chính NN (tính chất, nội dung, phương pháp, luật...); quản lý nhà nước về GDĐT (tính chất, đặc điểm, nguyên tắc, nội dung, bộ máy quản lý nhà nước về GDĐT; đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về GDĐT) và các văn bản quy phạm pháp luật về GDĐT; giúp sinh viên nhận thức được trách nhiệm của bản thân trong thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục. Môn học có mối quan hệ mật thiết với môn pháp luật đại cương, môn giáo dục học.

#### **18: Tâm lý học: 3TC**

Học phần Tâm lý học có vị trí rất quan trọng trong Chương trình đào tạo giáo viên có trình độ đại học. Học phần cung cấp cơ sở tâm lý để hình thành tri thức, rèn luyện các kỹ năng, các giá trị, phẩm chất và phát triển năng lực nghề dạy học cho sinh viên, giúp sinh viên hoạt động có hiệu quả trong dạy học, giáo dục và tư vấn, hỗ trợ người học.

### **19. Giáo dục học: 3TC**

Học phần Giáo dục học là học phần căn bản của Chương trình đào tạo Sư phạm. Học phần cung cấp những kiến thức nền về phương thức vận hành nhà trường, hình thành cho người học những phẩm chất và năng lực cơ bản của người giáo viên. Người học được trải nghiệm trong không gian nghề nghiệp, được thiết kế những tiết dạy cùng đội nhóm, được tranh biện về những tình huống trong công tác chủ nhiệm lớp, công tác Đoàn, Đội, Sao nhi đồng, ... Được thử thách, khám phá năng lực sư phạm của bản thân và được cố vấn để hoàn thiện những năng lực đó.

### **20. Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 1: 5TC**

Học phần Kỹ năng tổng hợp Tiếng Anh 1 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong CTĐT đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh. Học phần này giúp người học củng cố, phát triển kiến thức ngôn ngữ (ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm, chức năng ngôn ngữ) và rèn luyện kỹ năng thực hành tiếng Anh (nghe, nói, đọc, viết) theo các chủ đề ở cuối bậc 2 và đầu bậc 3 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Người học có cơ hội thực hiện các hoạt động giao tiếp ngôn ngữ bằng tiếng Anh, phát triển kiến thức nền tảng về văn hóa xã hội và làm hành trang cho các học phần tiếp theo trong CTĐT.

### **21. Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 2: 5 TC**

Học phần Kỹ năng tổng hợp Tiếng Anh 2 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong CTĐT đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh. Học phần này giúp người học củng cố, phát triển kiến thức ngôn ngữ (ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm, chức năng ngôn ngữ) và rèn luyện kỹ năng thực hành tiếng Anh (nghe, nói, đọc, viết) theo các chủ đề ở bậc 3 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Người học có cơ hội thực hiện các hoạt động giao tiếp ngôn ngữ bằng tiếng Anh, phát triển kiến thức nền tảng về văn hóa xã hội và làm hành trang cho các học phần tiếp theo trong CTĐT.

### **22. Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 3: 5TC**

Học phần Kỹ năng tổng hợp Tiếng Anh 3 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong CTĐT đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh. Học phần này giúp người học củng cố, phát triển kiến thức ngôn ngữ (ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm, chức năng ngôn ngữ) và rèn luyện kỹ năng thực hành tiếng Anh (nghe, nói, đọc, viết) theo các chủ đề ở cuối bậc 3 đầu bậc 4 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Người học có cơ hội thực hiện các hoạt động giao tiếp ngôn ngữ bằng tiếng Anh, phát triển kiến thức nền tảng về văn hóa xã hội và làm hành trang cho các học phần tiếp theo trong CTĐT.

### **23. Nghe - Nói tiếng Anh 1: 3TC**

Học phần Nghe - Nói tiếng Anh 1 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong CTĐT đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh. Học phần này giúp người học củng cố, phát triển kiến thức ngôn ngữ (ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm, chức năng ngôn ngữ) và rèn luyện 2 kỹ năng nghe, nói chuyên sâu theo các chủ đề ở bậc 4 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Người học có cơ hội thực

hiện các hoạt động giao tiếp ngôn ngữ bằng tiếng Anh, phát triển kiến thức nền tảng và chuyên sâu về các chủ đề tương ứng với bậc 4 và làm hành trang cho các học phần tiếp theo trong CTĐT.

#### **24. Đọc - Viết tiếng Anh 1: 3TC**

Học phần Đọc – Viết tiếng Anh 1 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong CTĐT đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh. Học phần này giúp người học củng cố, phát triển kiến thức ngôn ngữ (ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm, chức năng ngôn ngữ) và rèn luyện 2 kỹ năng đọc, viết chuyên sâu theo các chủ đề ở 4 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Người học có cơ hội thực hiện các hoạt động giao tiếp ngôn ngữ bằng tiếng Anh, phát triển kiến thức nền tảng và chuyên sâu về các chủ đề tương ứng với bậc 4 và làm hành trang cho các học phần tiếp theo trong CTĐT.

#### **25. Nghe - Nói tiếng Anh 2: 3TC**

Học phần Nghe - Nói tiếng Anh 2 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong CTĐT đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh. Học phần này giúp người học củng cố, phát triển kiến thức ngôn ngữ (ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm, chức năng ngôn ngữ) và rèn luyện 2 kỹ năng nghe, nói chuyên sâu theo các chủ đề ở cuối bậc 4, đầu bậc 5 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Người học có cơ hội thực hiện các hoạt động giao tiếp ngôn ngữ bằng tiếng Anh, phát triển kiến thức nền tảng và chuyên sâu về các chủ đề tương ứng với cuối bậc 4, đầu bậc 5 và làm hành trang cho các học phần tiếp theo trong CTĐT.

#### **26. Đọc - Viết tiếng Anh 2: 3TC**

Học phần Đọc - Viết tiếng Anh 2 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong CTĐT đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh. Học phần này giúp người học củng cố, phát triển kiến thức ngôn ngữ (ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm, chức năng ngôn ngữ) và rèn luyện 2 kỹ năng đọc, viết chuyên sâu theo các chủ đề ở cuối bậc 4, đầu bậc 5 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Người học có cơ hội thực hiện các hoạt động giao tiếp ngôn ngữ bằng tiếng Anh, phát triển kiến thức nền tảng và chuyên sâu về các chủ đề tương ứng với cuối bậc 4, đầu bậc 5 và làm hành trang cho các học phần tiếp theo trong CTĐT.

#### **27. Nghe - Nói tiếng Anh 3: 3TC**

Học phần Nghe - Nói tiếng Anh 3 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong CTĐT đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh. Học phần này giúp người học củng cố, phát triển kiến thức ngôn ngữ (ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm, chức năng ngôn ngữ) và rèn luyện 2 kỹ năng nghe, nói chuyên sâu theo các chủ đề ở bậc 5 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Người học có cơ hội thực hiện các hoạt động giao tiếp ngôn ngữ bằng tiếng Anh, phát triển kiến thức nền tảng và chuyên sâu về các chủ đề tương ứng với bậc 5 và làm hành trang cho các học phần tiếp theo trong CTĐT.

#### **28. Đọc - Viết tiếng Anh 3: 3TC**

Học phần Đọc -Viết tiếng Anh 3 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ



sở ngành trong CTĐT đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh. Học phần này giúp người học củng cố, phát triển kiến thức ngôn ngữ (ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm, chức năng ngôn ngữ) và rèn luyện 2 kỹ năng đọc, viết chuyên sâu theo các chủ đề ở bậc 5 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Người học có cơ hội thực hiện các hoạt động giao tiếp ngôn ngữ bằng tiếng Anh, phát triển kiến thức nền tảng và chuyên sâu về các chủ đề tương ứng với bậc 5 và làm hành trang cho các học phần tiếp theo trong CTĐT.

### **29.1 Ngôn ngữ học đối chiếu: 2TC**

Ngôn ngữ học đối chiếu là học phần tự chọn nằm trong khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm tiếng Anh. Học phần này cung cấp cho người học vốn kiến thức sâu rộng về nguồn gốc, đặc điểm cũng như các khái niệm cơ bản trong ngôn ngữ học đối chiếu cũng như các phương pháp, nguyên tắc đối chiếu trong ngôn ngữ (đối chiếu song song, đối chiếu hệ thống, hành vi, ...). Đồng thời môn học cũng giúp sinh viên có thể so sánh đối chiếu giữa hai ngôn ngữ như tiếng Việt và Tiếng Anh và giữa tiếng Anh với một số ngôn ngữ khác trên thế giới ở các phương diện như ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, câu, ...

Thông qua môn học này, sinh viên có thể có cái nhìn toàn diện hơn về ngôn ngữ, sự khác biệt giữa các ngôn ngữ, đồng thời hình thành được kỹ năng đối chiếu phân tích ngôn ngữ phục vụ cho quá trình giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

### **29.2. Ngữ pháp chức năng hệ thống: 2TC**

Ngữ pháp chức năng hệ thống là học phần tự chọn đối với sinh viên ngành sư phạm tiếng Anh. Học phần giới thiệu một cách tổng quan về ngữ pháp chức năng đồng thời bước đầu vận dụng lý thuyết của ngữ pháp chức năng vào nghiên cứu câu tiếng Anh.

### **29.3. Phân tích diễn ngôn: 2TC**

Phân tích diễn ngôn là môn học tự chọn đối với sinh viên ngành sư phạm tiếng Anh. Học phần cung cấp cho người học những nội dung sau: kiến thức cơ bản về diễn ngôn với tư cách là một ngôn ngữ giao tiếp, với những hình thức thể hiện và chức năng cơ bản nhất; những đặc điểm về chủ đề, cấu trúc nội dung và những kiểu mạch lạc quyết định sự tồn tại và hình thức của diễn ngôn; cách tiếp cận dụng học với phân tích diễn ngôn để người học nắm được mối liên quan chặt chẽ giữa chúng và lý thuyết về hành vi ngôn ngữ và việc sử dụng kiến thức nền trong phân tích diễn ngôn.

## **30. Tiếng Anh nâng cao: 3TC**

Học phần Tiếng Anh nâng cao là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành trong CTĐT đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh. Học phần này giúp người học củng cố, phát triển kiến thức ngôn ngữ (ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm, chức năng ngôn ngữ) và rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc viết nâng cao theo các chủ đề ở bậc 5 và đầu bậc 6 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Người học có cơ hội thực hiện các hoạt động giao tiếp ngôn ngữ bằng tiếng Anh, phát triển kiến thức nâng cao và chuyên sâu về các chủ đề tương ứng với bậc 5 và đầu bậc 6 và làm hành trang cho các học phần tiếp theo trong CTĐT.

### **31. Ngữ pháp tiếng Anh: 3TC**

Học phần Ngữ pháp tiếng Anh là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Anh và Ngôn ngữ Anh. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng liên quan đến các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh; giúp sinh viên sử dụng ngữ pháp thành thạo trong giao tiếp (thông qua các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và dịch); và trang bị cho sinh viên kỹ năng nghiên cứu, phân tích, giải thích, đối chiếu các hiện tượng ngữ pháp liên quan, các quan niệm có tính chất trường phái về cú pháp.

### **32. Ngữ âm tiếng Anh: 3TC**

Ngữ âm tiếng Anh là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh được giảng dạy ở học kì 4. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống âm vị, các quy tắc phát âm trong tiếng Anh; kỹ năng phát âm chính xác, khả năng nghe, nói thành thạo trong giao tiếp tiếng Anh; kỹ năng nghiên cứu, phân tích, giải thích, đối chiếu các vấn đề về âm vị trong tiếng Anh, giữa tiếng Anh và tiếng Việt.

### **33. Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Anh: 3TC**

Từ vựng- Ngữ nghĩa học tiếng Anh là học phần bắt buộc trong CTĐT cử nhân và sư phạm Ngôn ngữ Anh. Học phần trang bị cho sinh viên các khái niệm cơ bản về từ, ngữ, thành phần cấu tạo từ, quá trình tạo từ, nghĩa từ và câu trong tiếng Anh; kỹ năng phân tích thành phần, cấu trúc, mối quan hệ về nghĩa của từ, ngữ chính xác khi đọc, dịch văn bản tiếng Anh; khả năng vận dụng linh hoạt những kiến thức của môn học vào các môn học khác cũng như dịch, đọc các văn bản hay trong hoạt động giao tiếp hằng ngày.

### **34. Văn hóa Anh - Mỹ: 2TC**

Học phần Văn hóa Anh – Mỹ là học phần bắt buộc thuộc khối chuyên ngành của CTĐT Cử nhân Ngôn ngữ Anh và Sư phạm Anh. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa Anh – Mỹ; rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phân tích, đánh giá trào lưu văn học và văn hóa Anh – Mỹ qua các giai đoạn lịch sử và qua một số tác phẩm văn học tiêu biểu; giúp sinh viên có năng lực phát hiện và phát triển các giá trị trong môi trường giao tiếp đa văn hóa.

### **35. Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục: 2TC**

Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành tiếng Anh là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Anh. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về các phương pháp nghiên cứu khoa học, đặc biệt là những phương pháp thường được áp dụng để thực hiện các nghiên cứu các vấn đề liên quan đến chuyên ngành phương pháp giảng dạy tiếng Anh. Bên cạnh đó, học phần này còn trang bị cho sinh viên những kỹ năng nghiên cứu cần thiết để có thể thực hiện nghiên cứu trong lĩnh vực nghề nghiệp của mình, đồng thời xây dựng ý thức nghiên cứu để cải thiện thực trạng và phát triển nghề nghiệp. Học phần cũng giúp cho người học xây dựng niềm vui và đam mê nghiên cứu khoa học để phục vụ cộng đồng.

### **36. Lý thuyết dịch: 3TC**

Học phần Lý thuyết dịch là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Anh. Học phần này nhằm giúp sinh viên vận dụng các kiến thức chuyên sâu về lí luận ngôn ngữ Anh vào hoạt động biên dịch, tiếp cận những kỹ năng dịch cơ bản và các kỹ thuật dịch để làm việc với các loại văn bản khác nhau. Học phần cũng đồng thời giúp sinh viên tích lũy kiến thức về các vấn đề toàn cầu, xây dựng vốn từ vựng phong phú về các chủ đề quen thuộc, phát triển khả năng tự học và xây dựng ý thức tự rèn luyện.

### **37. Lý luận về phương pháp giảng dạy tiếng Anh: 2TC**

Học phần Lý luận về phương pháp giảng dạy tiếng Anh là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong CTĐT đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh. Học phần tập trung vào giải thích các đường hướng, phương pháp giảng dạy và các nguyên tắc cơ bản về dạy học và soạn giáo án tiếng Anh và các thức tổ chức và xử lý tình huống liên quan đến các hoạt động dạy học môn tiếng Anh.

### **38. Kỹ thuật và thực hành giảng dạy tiếng Anh 1: 4TC**

Học phần Kỹ thuật và thực hành giảng dạy tiếng Anh 1 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong CTĐT đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh. Học phần tập trung vào (1) giải thích các nguyên lý, phương pháp và kỹ thuật cơ bản về thiết kế giáo án, tiến hành bài giảng kiến thức ngôn ngữ (từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp), cách thức triển khai các hoạt động cơ bản về dạy học và quản lý lớp học theo CTGDPT môn tiếng Anh cấp THPT, (2) phân tích bài dạy kiến thức ngôn ngữ, (3) thiết kế các hoạt động giảng dạy kiến thức ngôn ngữ theo chương trình và SGK tiếng Anh cấp THPT, và (4) thực hành hoạt động giảng dạy kiến thức ngôn ngữ và quản lý lớp học theo chương trình và SGK tiếng Anh cấp THPT

### **39. Kỹ thuật và thực hành giảng dạy tiếng Anh 2: 4TC**

Học phần Kỹ thuật và thực hành giảng dạy tiếng Anh 2 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong CTĐT đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh. Học phần tập trung vào (1) giải thích các nguyên lý, phương pháp và kỹ thuật thiết kế giáo án, tiến hành bài giảng theo chương trình tiếng Anh cấp THPT, (2) phân tích các loại hình bài dạy (bài dạy kiến thức ngôn ngữ, bài dạy kỹ năng, bài dạy giao tiếp và văn hóa, bài dạy theo dự án), (3) thiết kế các hoạt động giảng dạy theo chương trình và SGK tiếng Anh cấp THPT, và (4) thực hành hoạt động giảng dạy theo chương trình và SGK tiếng Anh cấp THPT

### **40. Kiểm tra đánh giá Tiếng Anh: 3TC**

Học phần Kiểm tra đánh giá Tiếng Anh là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong CTĐT đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh. Học phần này cung cấp cho người học những lý thuyết cơ bản về kiểm tra đánh giá. Học phần bao gồm các bài học theo nội dung đã được chọn lọc, giới thiệu về các khái niệm lý thuyết cơ bản và các vấn đề về đánh giá ngôn ngữ, cũng như năng lực trong việc tự mình tạo ra hoặc lựa chọn đúng những công cụ đánh giá sẵn có, viết báo cáo và phân tích các kết quả đánh giá.

### **41. Phát triển chương trình và học liệu: 3TC**

Học phần Phát triển chương trình và học liệu là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong CTĐT đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh. Học phần tập trung vào (1) giải thích các khái niệm và các khía cạnh cơ bản của quá trình phát triển học liệu chương trình dạy tiếng Anh, (2) phân tích môi trường và nhu cầu của việc học tiếng Anh nhằm phát triển năng lực và phẩm chất cho học sinh phổ thông theo Chương trình giáo dục phổ thông tại Việt Nam. (3) phân tích các đường hướng xây dựng chương trình môn Tiếng Anh và nội dung SGK Tiếng Anh lớp 10, 11 và 12 theo chương trình GDPT. Học viên có khả năng vận dụng mô hình thiết kế ngược (backward design) để thiết kế 1 đơn vị bài học và phát triển tài liệu phù hợp với nội dung chương trình học hiện hành để đáp ứng yêu cầu đào tạo.

#### **42.1. Giao thoa văn hóa: 2TC**

Học phần Giao thoa văn hóa là học phần bắt buộc trang bị kiến thức cơ bản về văn hoá các yếu tố của văn hoá xã hội ảnh hưởng tới giao tiếp; là cơ sở cho tìm hiểu, nghiên cứu những tương đồng và dị biệt trong giao tiếp so sánh giữa hai hoặc nhiều nền văn hoá. Môn học cung cấp một cách tiếp cận với những nền văn hoá xa lạ, giúp người học thay đổi quan niệm về bối cảnh giao tiếp trong giai đoạn hiện nay và từ đó tiến hành giao tiếp có hiệu quả hơn trong công việc và cuộc sống. Môn học giới thiệu đến người học những giá trị văn hoá đối lập và những khác biệt trong giao tiếp phi ngôn ngữ được sử dụng trên thế giới, đồng thời, áp dụng những lý thuyết này trong việc xem xét những nền văn hoá quen thuộc (Việt Nam) và xa lạ.

#### **42.2. Kỹ năng thuyết trình tiếng Anh: 2TC**

Thuyết trình tiếng Anh là học phần tự chọn nằm trong khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm tiếng Anh. Học phần bao gồm các bài học theo nội dung đã được chọn lọc, giới thiệu về các khái niệm lý thuyết cơ bản và các vấn đề về đánh giá ngôn ngữ, cũng như năng lực trong việc tự mình tạo ra hoặc lựa chọn đúng những công cụ đánh giá sẵn có, viết báo cáo và phân tích các kết quả đánh giá. Học phần giới thiệu các vấn đề liên quan đến chất lượng giám khảo trong đánh giá năng lực người học. Thông qua đó, sinh viên xác định được một cách rõ ràng các tiêu chí đánh giá cũng như các lỗi thường gặp của giám khảo khi đánh giá năng lực người học, tích lũy cho bản thân những kinh nghiệm để trở thành giám khảo chấm đúng, chấm chuẩn khi tham gia công tác kiểm tra đánh giá. Học phần còn cung cấp các hoạt động phát triển kỹ năng của người học như: làm việc nhóm, thu thập thông tin, phân tích, đánh giá thông tin thu được, lựa chọn và thiết kế các hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp thực tiễn phổ thông và năng lực người học.

#### **42.3. Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh tiểu học: 2TC**

Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh tiểu học là môn học tự chọn đối với sinh viên ngành sư phạm tiếng Anh. Mục tiêu của môn học này là nhằm trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức về phương pháp giảng dạy tiếng Anh nói chung và kiến thức về tâm lý lứa tuổi cũng như những nhu cầu học tập của học sinh ở bậc tiểu học nói riêng. Trên cơ sở đó, sinh viên sẽ được hướng dẫn tổ chức các hoạt động dạy học từ vựng và ngữ pháp đa dạng phù hợp với lứa tuổi học sinh tiểu học. Qua đó, người học tự thiết kế bài giảng và tổ chức các hoạt động dạy học cho học sinh ở trường tiểu học

theo hướng nâng cao năng lực sử dụng ngôn ngữ cho học sinh.

#### **43. Nghiệp vụ SP Tiếng anh 1: 2TC**

Nghiệp vụ sư phạm 1 là môn học bắt buộc đối với sinh viên ngành sư phạm tiếng Anh. Mục tiêu của môn học này là nhằm trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức về một số kỹ năng tiền giảng dạy như kỹ năng quản lý lớp học, kỹ năng trình bày bảng, kỹ năng khai thác đưa ra chỉ dẫn trong dạy học và kỹ năng phản hồi người học. Trên cơ sở đó, sinh viên sẽ được thực hành các kỹ năng kể trên một cách thành thạo. Từ đó, sinh viên sẽ hiểu được sâu sắc tầm quan trọng của một số kỹ thuật dạy học trong quá trình giảng dạy.

#### **44. Nghiệp vụ sư phạm Tiếng anh 2: 2TC**

Nghiệp vụ sư phạm tiếng Anh 2 là môn học bắt buộc đối với sinh viên ngành sư phạm tiếng Anh. Mục tiêu của môn học này là nhằm trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức về một số kỹ năng tiền giảng dạy như phát triển các kỹ năng soạn giáo án và tổ chức hoạt động dạy học ngữ pháp, từ vựng, phát âm. Trên cơ sở đó, các nhà sư phạm tương lai sẽ được thực hành các kỹ năng kể trên một cách thành thạo. Từ đó, sinh viên sẽ hiểu được sâu sắc tầm quan trọng của một số kỹ thuật dạy học trước khi thực giảng trên lớp.

#### **45. Thực tập sư phạm 1: 2TC**

Nội dung môn học Thực tập sư phạm 1 nhằm giúp người học hiểu được thực tế giáo dục, tiếp xúc với học sinh và giáo viên các cơ sở thực tập, qua đó hình thành tình cảm nghề nghiệp, thúc đẩy quá trình tự rèn luyện theo yêu cầu của nghề nghiệp; hiểu được các nội dung công việc chuyên môn của người giáo viên bộ môn, có được những kỹ năng ban đầu về công tác chủ nhiệm lớp.

#### **46. Thực tập sư phạm 2: 6TC**

Nội dung môn học Thực tập sư phạm 2 nhằm giúp người học hoàn thiện những kỹ năng về công tác chủ nhiệm lớp, công tác giáo dục, nâng cao tình cảm, đạo đức nghề nghiệp; có những kỹ năng có bản về soạn bài, lên lớp; tổ chức bài giảng; đánh giá kết quả học tập của học sinh; có thể lên lớp giảng bài và làm chủ nhiệm lớp một cách độc lập.

#### **47A. Khóa luận tốt nghiệp: 7TC**

Học phần Khóa luận tốt nghiệp là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành của Chương trình đào tạo Sư phạm tiếng Anh. Học phần giúp người học có khả năng thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học liên quan đến ngành nghề đào tạo. Người học có khả năng vận dụng các PPDH tích cực để thực hiện hiệu quả chương trình GDPT; vận dụng các phương pháp khoa học vào việc lựa chọn đề tài, thu thập tư liệu, phân tích, xử lý tư liệu để giải quyết vấn đề, viết báo cáo và công bố kết quả nghiên cứu. Trong quá trình thực hiện các hoạt động dạy học, giáo dục và hoàn thành khóa luận, người học sử dụng được những PP và kỹ thuật GD; áp dụng các kỹ thuật và quy định liên quan đến hình thức trình bày một công trình nghiên cứu, cách thức trích dẫn và liệt kê tài liệu tham khảo, kỹ năng thuyết trình khoa học và kỹ năng CNTT. Người học có kỹ năng làm việc độc lập, sáng tạo, thể hiện ý thức, thái độ

khách quan, trung thực và các chuẩn mực đạo đức trong nghiên cứu.

#### **47B1. Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh chuyên ngành: 3TC**

Nội dung của môn học Phương pháp giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành là môn học nằm trong hệ thống các môn học thay thế khóa luận tốt nghiệp. Môn học này nhằm trang bị cho người học những cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn chung về giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành. Ngoài ra người học còn được thực hành thiết kế hoạt động giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành và phát triển tài liệu phục vụ môn học. Dựa trên những kiến thức đó, người học có thể tự tin, sẵn sàng có ý tưởng, xây dựng chương trình và tham gia vào nghiên cứu, giảng dạy môn học sau khi hoàn thành môn học.

#### **47B2. Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong DHTA: 2TC**

Nội dung của môn học Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học tiếng Anh là môn học nằm trong hệ thống các môn học thay thế khóa luận tốt nghiệp. Môn học này nhằm trang bị cho người học những cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn chung về hoạt động trải nghiệm. Dựa trên những kiến thức đó, người học có thể tự tin giảng dạy các hoạt động trải nghiệm được thiết kế trong sách giáo khoa hiện nay. Ngoài ra người học còn được thực hành thiết kế và tổ chức một số hoạt động trải nghiệm cụ thể trong dạy học tiếng Anh như tổ chức cuộc thi nói tiếng Anh ; Rung chuông vàng; câu lạc bộ tiếng Anh..... Qua đó, người học sẽ sẵn sàng có ý tưởng, xây dựng và tổ chức các hoạt động trải nghiệm đối với môn Tiếng Anh sau khi hoàn thành môn học.

#### **47B3. Nghiên cứu hành động trong DHTA: 2TC**

Học phần Nghiên cứu hành động trong dạy học tiếng Anh là môn học nằm trong hệ thống các môn học thay thế khóa luận tốt nghiệp thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm của, được thiết kế bao gồm 2 hợp phần: nghiên cứu lý thuyết nền tảng về nghiên cứu hành động và tiến hành áp dụng đổi mới thực tế ở trường phổ thông. Hợp phần 1 trọng tâm vào việc phát triển kiến thức cơ bản về nghiên cứu hành động và tiến hành hoạt động đổi mới; hợp phần 2 hướng đến phát triển kỹ năng tiến hành đổi mới, cải tiến sư phạm của giáo viên trong bối cảnh công việc cụ thể theo các bước nghiên cứu hành động, dựa trên kiến thức và kỹ năng được trang bị ở hợp phần 1.

#### **5.2.5. Đề cương chi tiết học phần**

(Xem Phụ lục Đề cương chi tiết học phần)

## **6. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐÀO TẠO**

### **6.1. Phương pháp giảng dạy**

Phương pháp giảng dạy thực hiện chương trình đào tạo ngành Sư phạm Ngữ văn trình độ đại học được thiết kế theo cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm và chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập, trải nghiệm; định hướng hiệu quả để người học đạt được chuẩn đầu ra của mỗi học phần, mỗi thành phần và của cả chương trình đào tạo.

Phương pháp giảng dạy giúp sinh viên học tập, trải nghiệm đạt các chuẩn đầu ra được chia thành hai nhóm:

- Nhóm phương pháp giảng dạy giúp sinh viên học tập chủ động, gồm:
- + Phương pháp động não (Brainstorming) là phương pháp giúp sinh viên trong

một thời gian ngắn nảy sinh được nhiều ý tưởng, nhiều giả định về một vấn đề nào đó, trong đó có nhiều ý tưởng sáng tạo. Thực hiện phương pháp này, giảng viên cần đưa ra một hệ thống các thông tin làm tiền đề cho buổi thảo luận.

+ Phương pháp Suy nghĩ - Từng cặp - Chia sẻ (Think - pair - share): Phương pháp này được thực hiện bằng cách cho các sinh viên cùng đọc tài liệu hoặc suy nghĩ về một chủ đề, sau đó các sinh viên ngồi bên cạnh nhau có thể trao đổi với nhau về ý kiến và kinh nghiệm của mỗi người một khoảng thời gian nhất định (khoảng vài phút), sau đó chia sẻ với cả lớp.

+ Phương pháp học dựa trên vấn đề (Problem based learning) giúp sinh viên xác định và hình thành vấn đề; đề xuất các giải pháp; trao đổi, phán xét, cân bằng trong hướng giải quyết.

+ Phương pháp hoạt động nhóm (Group based Learning) là chia lớp học thành từng nhóm nhỏ từ 5 đến 7 người. Tùy mục đích, yêu cầu của vấn đề học tập, các nhóm được phân chia ngẫu nhiên hay có chủ định, được duy trì ổn định hay thay đổi trong từng phần của học phần, được giao cùng một nhiệm vụ hay những nhiệm vụ khác nhau. Phương pháp hoạt động nhóm giúp các thành viên trong nhóm chia sẻ các băn khoăn, kinh nghiệm của bản thân, cùng nhau xây dựng nhận thức mới. Bằng cách nói ra những điều đang nghĩ, mỗi người có thể nhận rõ trình độ hiểu biết của mình về chủ đề nêu ra, thấy mình cần học hỏi thêm những gì.

+ Phương pháp đóng vai (Role playing) là phương pháp tổ chức cho sinh viên thực hành một số cách ứng xử nào đó trong một tình huống giả định. Phương pháp đóng vai có những ưu điểm: sinh viên được rèn luyện thực hành những kỹ năng ứng xử và bày tỏ thái độ trong môi trường an toàn trước khi thực hành trong thực tiễn; gây hứng thú và chú ý cho sinh viên; tạo điều kiện làm nảy sinh óc sáng tạo của sinh viên, kích lệ sự thay đổi thái độ, hành vi của sinh viên theo chuẩn mực hành vi đạo đức và chính trị - xã hội, có thể thấy ngay tác động và hiệu quả của lời nói hoặc việc làm của các vai diễn.

- Nhóm phương pháp giảng dạy giúp sinh viên học tập qua trải nghiệm, gồm:

+ Học dựa vào dự án (Project based Learning) là tổ chức việc dạy và học thông qua các dự án hay công trình thực tế. Từ đây người học sẽ tham gia vào thiết kế, đưa ra quyết định hay khảo sát các hoạt động có liên quan đến dự án. Với phương pháp học này, người học sẽ phải làm việc theo nhóm và khám phá những vấn đề gắn liền với cuộc sống, sau đó sẽ thuyết trình trước lớp và chia sẻ những gì họ đã làm được trong dự án của mình.

+ Mô phỏng (Simulations) thường được dùng trong nghiên cứu khoa học, là quá trình phát triển mô hình hoá rồi mô phỏng một đối tượng cần nghiên cứu. Dựa trên những kết quả thu được sau quá trình mô phỏng, ta có thể rút ra hướng đi tiếp cho nghiên cứu và sản xuất về sau.

+ Nghiên cứu tình huống (Case studies) dựa trên các tình huống thực tế của cả học viên và giảng viên. Mục đích chính của các tình huống là để miêu tả, trao đổi kinh nghiệm về cách thức giải quyết vấn đề và những mâu thuẫn trong khi thực hiện công

việc được giao. Bằng những tình huống khác nhau cần phải giải quyết trong khoảng thời gian định sẵn cùng nguồn lực có hạn, người học được đặt vào vị trí cần phải đưa ra quyết định hoặc kêu gọi sự hỗ trợ của các thành viên cùng nhóm để tìm hướng giải quyết hợp lí. Sự đa dạng của các tình huống được đưa lên không chỉ khuyến khích người học phát huy tính chủ động, óc sáng tạo mà còn đem đến sự thoải mái, sáng khoái về mặt tinh thần khi tham dự lớp.

+ Phương pháp học tập phục vụ cộng đồng (Service Learning) là một phương pháp dạy và học mà thông qua đó người học áp dụng được những kiến thức học được trong lớp vào điều kiện thực tế, đồng thời kết quả của quá trình học đáp ứng nhu cầu của cộng đồng và được cộng đồng sử dụng. Phương pháp này giúp người học có điều kiện tăng cường kiến thức học thuật, rèn luyện và phát triển các kĩ năng mềm như tư duy suy xét, phản biện (critical thinking), làm việc theo nhóm, giao tiếp, thuyết trình và các kĩ năng sống.

## **6.2. Đánh giá kết quả đào tạo**

### **6.2.1. Các hình thức đánh giá**

Đánh giá sinh viên trong quá trình học tập là hoạt động xác định mức độ đạt được chuẩn đầu ra của các học phần và từ đó bảo đảm sinh viên đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Các học phần được đánh giá bao gồm đánh giá quá trình (chuyên cần, thái độ, mức độ tích cực tham gia vào quá trình học tập), đánh giá giữa kì và đánh giá kết thúc học phần.

#### **6.2.1.1. Đánh giá ý thức và thái độ học tập**

Đánh giá ý thức học tập là đánh giá mức độ chuyên cần mà sinh viên phải tham gia lớp học. Đánh giá thái độ học tập là đánh giá mức độ sinh viên thể hiện thái độ tích cực và hợp tác trong lớp cũng như trong tinh thần đồng đội khi thực hiện nhóm. Tính chuyên cần và thái độ học tập của sinh viên được đánh giá theo các tiêu chí ở Bảng Rubric tùy thuộc vào các học phần lí thuyết hay học phần có thực hành/dự án.

#### **6.2.1.2. Đánh giá hồ sơ học phần**

Đối với hồ sơ học phần, sinh viên bắt buộc phải làm bài tập liên quan đến các bài học học trong lớp hoặc sau giờ học. Những bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm. Ngoài ra, sinh viên phải đáp ứng những yêu cầu về các học liệu kèm theo học phần của giảng viên.

#### **6.2.1.3. Đánh giá theo hình thức vấn đáp**

Đánh giá theo hình thức vấn đáp là một trong những hình thức kiểm tra đánh giá được sử dụng trước, trong và sau giờ giảng để kiểm tra tri thức sinh viên đạt được một cách nhanh gọn, kịp thời để có thể bổ sung củng cố tri thức ngay nếu cần thiết. Hoặc được áp dụng trong quá trình đánh giá kết quả học tập của sinh viên dưới hình thức sinh viên bốc thăm câu hỏi hoặc giảng viên đặt câu hỏi, sinh viên trả lời trực tiếp. Nó cũng giúp học sinh tự kiểm tra tri thức của mình thông qua vấn đáp. Tùy theo mục đích đánh giá mà sử dụng các hình thức vấn đáp khác nhau.

#### **6.2.1.4. Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm**

Hình thức trắc nghiệm là dạng kiểm tra trong đó mỗi câu hỏi kèm theo câu trả



lời sẵn. Loại câu hỏi này cung cấp cho sinh viên một phần hay tất cả thông tin cần thiết và đòi hỏi sinh viên phải chọn một hay nhiều giải pháp trả lời đúng nhất. Loại câu hỏi này được gọi là trắc nghiệm khách quan vì chúng đảm bảo tính khách quan, chính xác, ổn định và không phụ thuộc vào người chấm; đồng thời nó cho phép đánh giá được toàn bộ những khả năng của người học theo sự phân loại (ghi nhớ thông tin, thông hiểu, áp dụng, phân tích, tổng hợp và đánh giá). Bài trắc nghiệm thường có số câu hỏi nhiều hơn bài tự luận.

#### **6.2.1.5. Đánh giá theo hình thức tự luận**

Sinh viên phải trả lời một số câu hỏi, bài tập hoặc ý kiến cá nhân về các vấn đề liên quan đến yêu cầu kiến thức của học phần. Các yêu cầu của câu hỏi trong các đề thi được thiết kế để đánh giá kết quả học tập của học phần. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong hình thức này là từ 1 đến 10 theo đáp án của đề thi.

#### **6.2.1.6. Đánh giá theo hình thức thực hành**

Sinh viên phải thực hiện các thao tác hoặc bài thực hành liên quan đến các yêu cầu về kiến thức và kỹ năng của các học phần. Thang điểm đánh giá được sử dụng từ 0 đến 10. Các tiêu chí đánh giá của các học phần có thực hành được thể hiện trong Bảng Rubric.

#### **6.2.1.7. Đánh giá viết báo cáo**

Sinh viên được đánh giá thông qua báo cáo về chủ đề giáo viên yêu cầu, bao gồm nội dung được trình bày trong báo cáo, cách trình bày, định dạng trong báo cáo. Các tiêu chí đánh giá của phương pháp này được thể hiện trong Bảng Rubric.

#### **6.2.1.8. Đánh giá thuyết trình**

Sinh viên chuẩn bị bài thuyết trình theo một chủ đề nghiên cứu theo yêu cầu của giảng viên. Giảng viên cho điểm sinh viên thông qua buổi trình bày báo cáo, đưa ra các câu hỏi trực tiếp và nhận các câu trả lời. Các tiêu chí để đánh giá sinh viên qua hoạt động thuyết trình được mô tả trong Bảng Rubric.

### **6.2.2. Đánh giá kết quả học tập**

#### **6.2.2.1. Thang điểm đánh giá**

Thang điểm đánh giá kết quả học tập theo từng học phần của chương trình đào tạo được quy định như sau:

<b>Điểm chữ</b>	<b>Điểm 10 tương ứng</b>	<b>Quy ra thang điểm 4</b>
A	8.5 – 10.0	4.0
B+	8.0 – 8.4	3.5
B	7.0 – 7.9	3.0
C+	6.5 – 6.9	2.5
C	5.5 – 6.4	2.0
D+	5.0 – 5.4	1.5
D	4.0 – 4.9	1.0
F	< 4.0	0.0

### 6.2.2.2. Điểm đánh giá học phần

Điểm đánh giá học phần được tổ hợp từ điểm đánh giá quá trình và điểm đánh giá cuối kì như sau:

Thành phần đánh giá	Tỉ lệ
<b>1. Đánh giá quá trình</b>	40%
<p><b>1.1. Đánh giá ý thức, thái độ học tập</b></p> <p>Đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ học tập.</p> <p>Yêu cầu sinh viên dự học tại lớp trên 80% mới đủ điều kiện được dự thi kết thúc học phần. Nếu sinh viên không được dự thi học phần thì bị tính điểm F và phải học lại học phần.</p>	10%
<p><b>1.2. Đánh giá hồ sơ học phần</b></p> <p>Hồ sơ có thể là bài tập cá nhân, báo cáo bài tập nhóm, báo cáo kết quả thảo luận, minh chứng sản phẩm học tập,...</p> <p>Tùy theo đặc thù học phần mà giảng viên quy định các sản phẩm cụ thể.</p>	10%
<p><b>1.3. Đánh giá giữa kì</b></p> <p>Nếu số tín chỉ lí thuyết <math>\leq 3</math> thì tổ chức 1 lần kiểm tra.</p> <p>Nếu số tín chỉ lí thuyết <math>\geq 4</math> thì tổ chức 2 lần kiểm tra, điểm đánh giá là điểm trung bình.</p>	20%
<p><b>2. Đánh giá thi kết thúc học phần</b></p> <p>Học phần chỉ có lí thuyết: điểm đánh giá là điểm của bài thi kết thúc học kì và hình thức đánh giá do bộ môn quy định (tự luận, trắc nghiệm khách quan, vấn đáp, bài tập lớn,...).</p> <p>Học phần chỉ có thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án: điểm đánh giá cuối kì là trung bình cộng của các bài thực hành, thí nghiệm hoặc báo cáo đồ án.</p> <p>Học phần có cả lí thuyết và thực hành, thí nghiệm hoặc có cả lí thuyết và đồ án: điểm đánh giá cuối kì là điểm đánh giá độc lập của các thành phần lí thuyết và thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án.</p>	60%
<p><b>3. Công thức tính điểm học phần</b></p> <p><b>3.1. Học phần chỉ có lí thuyết</b></p> <p>Điểm học phần lí thuyết được tính như sau, làm tròn đến một chữ số thập phân:</p> $a = a_1 \times 0.1 + a_2 \times 0.1 + a_3 \times 0.2 + a_4 \times 0.6$ <p>Trong đó, a: điểm học phần; a<sub>1</sub>: điểm đánh giá ý thức học tập của sinh viên; a<sub>2</sub>: điểm đánh giá hồ sơ học phần; a<sub>3</sub>: điểm trung bình cộng của các bài đánh giá giữa học phần; a<sub>4</sub>: điểm đánh giá thi kết thúc học phần.</p> <p><b>3.2. Học phần chỉ có thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án</b></p> <p>Điểm học phần là điểm trung bình cộng của các bài thực hành, thí nghiệm hoặc điểm báo cáo đồ án, được làm tròn đến một chữ số thập phân.</p> <p><b>3.3. Học phần bao gồm cả lí thuyết và thực hành, thí nghiệm hoặc có cả lí thuyết và đồ án</b></p>	

$$a = a_1 \times 0.1 + a_2 \times 0.1 + a_3 \times 0.2 + (a_4 * m + a_5 * n) \times 0.6 / (m + n).$$

Trong đó, a: điểm học phần, làm tròn đến một chữ số thập phân; a1: điểm đánh giá ý thức học tập của sinh viên; a2: điểm đánh giá hồ sơ học phần; a3: điểm trung bình cộng của các bài đánh giá giữa học phần; a4: điểm đánh giá thi kết thúc phần lí thuyết; a5: điểm trung bình cộng của các bài thực hành, thí nghiệm hoặc điểm báo cáo đồ án; m: số tiết lí thuyết; n: số tiết thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án.

### 3.4. Học phần thực tập cuối khóa

- Điểm học phần được tính như sau, làm tròn đến một chữ số thập phân:

$$a = a_1 \times 0.5 + a_2 \times 0.5$$

Trong đó, a: điểm học phần, làm tròn đến một chữ số thập phân; a1: điểm đánh giá của giảng viên hướng dẫn; a2: điểm đánh giá của cán bộ hướng dẫn nơi sinh viên thực tập.

## 7. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN VÀ NHÂN LỰC HỖ TRỢ

Đội ngũ giảng viên giảng dạy chương trình Sư phạm Tiếng Anh trình độ đại học gồm 12 Tiến sĩ, 33 Thạc sĩ. Trong đó có:

- 01 Tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo;

- 05 Tiến sĩ có chuyên môn phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì giảng dạy chương trình;

- 35 Tiến sĩ và Thạc sĩ thực hiện chương trình.

Đội ngũ giảng viên nói trên có số lượng đảm bảo tỉ lệ sinh viên trên giảng viên không vượt quá mức quy định cho ngành đào tạo Sư phạm Tiếng Anh.

## 8. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ CÔNG NGHỆ

Nhà trường có đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm đáp ứng yêu cầu đào tạo của ngành Sư phạm Tiếng Anh. Trong đó bao gồm:

- Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu: 160;

- Thư viện, trung tâm học liệu: 04;

- Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập: 15;

- Nhà kí túc xá 5 tầng: 04;

- Nhà dịch vụ: 01;

- Nhà ăn sinh viên: 02;

- Phòng tập thể thao, nhà tập đa năng: 02;

- Sân vận động, sân bóng đá cỏ nhân tạo: 02;

- Sân bóng chuyên: 02;

- Sân bóng rổ: 02.